

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HOÀNG THUY YẾN. *Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam*

Chuyên ngành: Kinh tế học

Mã số: 62 31 03 01

Tăng trưởng kinh tế (TTKT) và công bằng xã hội luôn là khát vọng của tất cả các quốc gia và trong mọi thời đại. Sau khi lý thuyết tăng trưởng nội sinh được giới thiệu vào giữa thập niên 1980, nhiều nhà nghiên cứu đã quan tâm đến tác động của phân phối thu nhập đến TTKT. Nhiều nghiên cứu cho thấy bất bình đẳng thu nhập gây tổn hại cho TTKT; một số khác lại phát hiện bất bình đẳng thu nhập có tác động dương đến TTKT; trong khi một số khác nữa lại cho thấy bất bình đẳng cản trở tăng trưởng ở các nước nghèo nhưng lại thúc đẩy tăng trưởng ở các nước giàu. Ở Việt Nam, trong quá trình đổi mới theo hướng tự do hóa, mở cửa và hội nhập vào khu vực và thế giới, nền kinh tế ngày càng khởi sắc. Mặc dù vậy, quá trình chuyển đổi nền kinh tế đã làm nảy sinh những mặt trái, gây trở ngại cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế. Trong đó, có một thực trạng đáng lo ngại là sự gia tăng chênh lệch về thu nhập giữa các nhóm dân cư và giữa các vùng; nền kinh tế tăng trưởng cao nhưng khoảng cách giàu-nghèo có xu hướng doãng ra.

Luận án “Tác động của bất bình đẳng thu nhập đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam” kết hợp giữa phân tích định tính và định lượng đi sâu nghiên cứu một cách hệ thống tác động của bất bình đẳng thu nhập đến TTKT, đưa ra những luận cứ khoa học để đề xuất quan điểm và giải pháp bảo

đảm gắn kết giữa TTKT và thực hiện công bằng trong phân phối thu nhập ở nước ta trong thời gian tới. Đây là nghiên cứu có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung chính của Luận án được trình bày trong 4 chương.

Chương 1 làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động của bất bình đẳng thu nhập đến TTKT.

Bất bình đẳng thu nhập đề cập đến hiện tượng thu nhập được phân phối không đều giữa các cá nhân hoặc các hộ gia đình trong nền kinh tế. Một số thước đo phổ biến về bất bình đẳng bao gồm: Tỷ lệ giữa thu nhập bình quân của nhóm 20% hộ gia đình giàu nhất với thu nhập bình quân của nhóm 20% hộ gia đình nghèo nhất; Đường Lorenz; Hệ số GINI; Tiêu chuẩn 40 của Ngân hàng Thế giới. Còn TTKT được định nghĩa là sự gia tăng mức sản xuất của nền kinh tế theo thời gian. Nhìn chung TTKT được tính bằng phần trăm thay đổi của GDP thực tế hay GDP thực tế bình quân đầu người. TTKT chịu tác động của cả nhân tố kinh tế và nhân tố phi kinh tế. Các nhân tố kinh tế bao gồm: tăng trưởng các nhân tố sản xuất (tư bản, lao động, tài nguyên) và tiến bộ công nghệ. Một số nhân tố phi kinh tế có thể tác động đến TTKT như: vai trò của nhà nước, các yếu tố văn hóa-xã hội, thể chế, cơ cấu dân tộc-tôn giáo và sự tham gia của cộng đồng.

Tác giả nhận định, các nghiên cứu có kết luận rất khác nhau về tác động của bất bình đẳng thu nhập lên TTKT. Một số nghiên cứu lý thuyết cho thấy, bất bình đẳng thu nhập và tăng trưởng có mối quan

hệ đánh đổi như chấp nhận bất bình đẳng thì nền kinh tế sẽ tăng trưởng nhanh hơn. Theo lý thuyết truyền thống, để lấy thu nhập của người giàu chuyển cho người nghèo, chính phủ phải thực hiện các chính sách tái phân phối thu nhập, ví dụ như thông qua hệ thống thuế thu nhập lũy tiến và các chương trình phúc lợi, nhưng điều này sẽ làm giảm động lực lao động và gây ra tổn thất cho TTKT. Trong khi đó, nhiều lý thuyết lại cho thấy bất bình đẳng thu nhập có thể làm giảm TTKT.

Chương 2 phân tích thực trạng mối quan hệ giữa bất bình đẳng trong phân phối thu nhập và TTKT ở Việt Nam.

Về thực trạng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập: Thu nhập bình quân đầu người ở Việt Nam có xu hướng gia tăng trong khi chênh lệch giữa nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất ngày càng doãng ra. Cụ thể: chênh lệch giữa nhóm giàu nhất so với nhóm nghèo nhất là 8,1 lần năm 2002, tăng lên 8,4 lần năm 2006, 8,9 lần năm 2008 và 9,2 lần năm 2010. Nếu tính theo khu vực, thu nhập ở khu vực thành thị và nông thôn đều có xu hướng tăng trong giai đoạn 2002-2010. Năm 2010, chi tiêu cho đời sống bình quân đầu người/tháng ở khu vực nông thôn là 950.000đ (tăng 4 lần so với năm 2002); trong khi đó, ở khu vực thành thị là 1.828.000đ (tăng 3,6 lần so với năm 2002). Nếu tính theo vùng, Tây Nguyên và đồng bằng sông Hồng có sự chênh lệch về thu nhập giữa nhóm giàu nhất và nhóm nghèo nhất là cao nhất; còn Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung có mức chênh lệch thấp nhất. Hệ số GINI về thu nhập tính chung cả nước có xu hướng tăng nhẹ qua các năm (0,418 năm 2002, 0,42 năm 2006, 0,43 năm 2008 và năm 2010). Hệ số GINI gia tăng nhanh nhất ở một số vùng như đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung bộ,

duyên hải miền Trung. Hệ số GINI cao ở các vùng Đông Bắc, Tây Nguyên.

Về tình hình TTKT: Sau giai đoạn tăng trưởng thấp từ 1999-2000, nền kinh tế dần phục hồi và tăng tốc từ năm 2001 cho đến năm 2007. Tính bình quân trong cả giai đoạn 2000-2007, tốc độ TTKT của Việt Nam đạt 7,62%/năm. Thời kỳ 2008-2010, nền kinh tế bắt đầu một chu kỳ suy giảm tăng trưởng do chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2008-2012 giảm xuống còn 5,84%.

Chất lượng tăng trưởng được đánh giá thông qua một số chỉ số như hiệu quả lao động (năng suất lao động), năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), hiệu quả sử dụng vốn (ICOR). Tốc độ tăng năng suất lao động có xu hướng chậm lại từ 5,2% giai đoạn 2005-2008 xuống 2,5% năm 2009 và 3,9% năm 2010. Hệ số ICOR của Việt Nam cao hơn nhiều so với một số nước NICs trong thời kỳ cất cánh và có xu hướng gia tăng theo thời gian. Nếu năm 2000 hệ số này là 5,04, thì con số này đã tăng lên 8,03 vào năm 2009. Trong giai đoạn 2003-2006, tốc độ tăng TFP của Việt Nam khá ổn định (2,13%/năm) nhưng đã giảm mạnh xuống 0,86%/năm trong giai đoạn 2007-2010. Như vậy có thể thấy, tăng trưởng của Việt Nam phần lớn vẫn dựa vào tăng sử dụng lao động và vốn, trong khi TFP đã được cải thiện nhưng chưa đáng kể, nên đóng góp của TFP đối với tăng trưởng chưa nhiều.

Về mối quan hệ giữa bất bình đẳng thu nhập và TTKT: Việt Nam đã thực hiện ưu tiên cho mục tiêu TTKT và bắt đầu chú ý đến mục tiêu công bằng trong phân phối thu nhập. Tăng trưởng đã chú ý gắn kết với các mục tiêu về phát triển con người, tuy nhiên phân phối thu nhập vẫn chưa được thực hiện một cách đồng đều. Tăng

trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm người giàu, dẫn đến sự bất bình đẳng về thu nhập. Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa đã dẫn đến tăng trưởng nóng và làm phát sinh nhiều vấn đề liên quan đến bất bình đẳng thu nhập. Có tác động của cơ chế xin cho, bao cấp, môi trường kinh doanh không bình đẳng và thông tin không minh bạch đến bất bình đẳng thu nhập. Chưa kết hợp được TTKT và tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chính sách.

Chương 3 và 4 ước lượng tác động của bất bình đẳng thu nhập tới TTKT ở Việt Nam và đưa ra một số quan điểm, giải pháp tận dụng tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của bất bình đẳng thu nhập đến TTKT.

Đo lường về bất bình đẳng trong phân phối thu nhập dựa trên hệ số GINI, lấy hệ số $GINI=0,37$ làm mốc, nghiên cứu chia số liệu thành 2 nhóm: nhóm các tỉnh/thành có hệ số $GINI < 0,37$, nhóm còn lại có hệ số $GINI \geq 0,37$. Giá trị GINI trung bình của nhóm các tỉnh/thành có $GINI < 0,37$ là 0,33; giá trị GINI trung bình của các tỉnh/thành có $GINI \geq 0,37$ là 0,41. Tại mỗi mức trung bình, nếu các tỉnh/thành có bất bình đẳng thu nhập tăng 1 điểm phần trăm thì tăng trưởng kinh tế sẽ tăng rất nhỏ, khoảng 0,01 điểm phần trăm đối với các tỉnh/thành có hệ số $GINI < 0,37$ và làm giảm khoảng 0,006 điểm phần trăm đối với các tỉnh/thành có hệ số $GINI \geq 0,37$. Đo lường về bất bình đẳng trong phân phối thu nhập dựa trên khoảng cách thu nhập, nghiên cứu cho thấy, tại các tỉnh/thành mà khoảng cách giàu nghèo cao thì tăng trưởng sẽ thấp hơn.

Từ kết quả trên, tác giả cho rằng: Cần nhìn nhận toàn diện và có tầm nhìn dài khi xem xét vấn đề bất bình đẳng thu nhập, phải đặt bất bình đẳng thu nhập trong mối quan hệ với tăng trưởng kinh tế. Cần đảm

bảo kinh tế tăng trưởng bền vững đi đôi với thực hiện công bằng trong phân phối; phát triển kinh tế gắn kết hợp lý với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng giai đoạn và trong suốt quá trình phát triển. Không thể hướng tới mục tiêu giảm bất bình đẳng bằng mọi giá, đặc biệt không thể cào bằng thu nhập, điều quan trọng là cần phải chấp nhận bất bình đẳng thu nhập trong một phạm vi được coi là an toàn và có lợi cho TTKT nhanh một cách bền vững trong dài hạn. Bảo đảm công bằng về quyền lợi và nghĩa vụ của công dân trong chế độ phân phối thu nhập, cơ hội phát triển và điều kiện thực hiện cơ hội. Phát triển kinh tế và thực hiện công bằng xã hội phải phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới của Việt Nam...

Tác giả đề xuất một số giải pháp tận dụng tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của bất bình đẳng thu nhập đến TTKT, bao gồm: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN đảm bảo gắn kết hợp lý giữa TTKT và công bằng xã hội; Xây dựng và thực hiện mô hình tăng trưởng công bằng và vì người nghèo; Điều chỉnh cơ cấu đầu tư xã hội; Phát triển kinh tế tư nhân; Đảm bảo người dân được chia sẻ thành quả của sự phát triển bằng cách quan tâm tới ba lĩnh vực trọng yếu là giáo dục, y tế và an sinh xã hội; Cần có những chính sách di dân thích hợp; Cải cách chính sách phân phối tài sản, thu nhập và cơ hội phát triển trong nền kinh tế theo hướng đảm bảo công bằng và hướng đến người nghèo.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp trường, họp tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân năm 2015.

LÊ HỮU
giới thiệu